

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

*V/v tranh chấp ly hôn, con chung
và phân chia nghĩa vụ trả nợ*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG GIANG, QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Oanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Dương Thị Phường**

Ông **Nguyễn Thái Bình.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Sơn** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang, Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Y Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, con chung và phân chia nghĩa vụ trả nợ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Bríu C**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn R, xã A, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Lê Thị Sao M**, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Đinh Thị K**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn R, xã A, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng CSXH Việt Nam); Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T** - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Quốc T** - Chức vụ: Giám đốc - Phòng giao dịch huyện Đông Giang (theo quyết định ủy quyền số 4716/QĐ - NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng CSXH Việt Nam).

Địa chỉ: Thôn G, thị trấn P, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 16/8/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bríu C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bríu C và chị Đinh Thị K tự nguyện yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới trước sự chứng kiến của hai bên gia đình. Ngày 23/7/2013 tự nguyện đến Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã A, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam để đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, kinh tế gia đình khó khăn nên tháng 06/2018 vợ chồng đi làm thuê tại thành phố Đ. Chị K bắt đầu tiếp xúc với nhiều người qua điện thoại, mạng ứng dụng tin nhắn facebook có biểu hiện thích ăn chơi, đua đòi dẫn đến có tình cảm với người đàn ông khác. Chị K vội vã chạy theo tình yêu mới, bỏ gia đình, bỏ luôn hai đứa con nhỏ dại. Anh C đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ cuối tháng 05/2019 cho đến nay, phần ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau. Tháng 08/2019 anh C làm đơn ly hôn và có thông báo cho chị K biết nhưng chị cố tình trốn tránh không hợp tác với Tòa án, chị K thay đổi số điện thoại, cắt đứt mọi thông tin với anh C và gia đình. Hiện chị K đi đâu, làm gì anh C không biết. Nay, anh C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn anh C xin ly hôn với chị Đinh Thị K.

Về con chung: Anh C và chị K có hai con chung là Bríu Thị Hồng Q, sinh ngày 10/4/2014 và Bríu Thị Ánh D, sinh ngày 30/10/2016. Hiện hai cháu đang sống cùng anh C tại xã A. Khi ly hôn, anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục hai con, yêu cầu chị K cấp dưỡng hàng tháng nuôi hai con chung là 600.000 đồng/tháng/cháu.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh C, chị K ký kết với Ngân hàng CSXH Việt Nam - Phòng giao dịch huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam hai Hợp đồng tín dụng (viết tắt là HĐTD). HĐTD số 6600000704879000 số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 60, lãi suất 0,55%/tháng và HĐTD số 6600000704876619 số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0,1%/tháng. Tổng số tiền gốc là 45.000.000 đồng, anh C yêu cầu chia đôi số nợ trên, mỗi bên phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 22.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh hàng tháng.

** Tại bản tự trình bày, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc T (người đại diện theo ủy quyền) trình bày:* Căn cứ danh sách hộ gia đình vay vốn Ngân hàng CSXH Việt Nam - Phòng giao dịch huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam ngày 23/6/2015 và ngày 24/6/2019 của Chủ tịch UBND xã A. Ngày 29/6/2015, Ngân hàng đã ký kết và giải ngân cho hộ anh Bríu C và chị Đinh Thị K vay hai HĐTD mục đích vay chăn nuôi bò và cải tạo đất sản xuất. Đối với HĐTD số 6600000704879000 số tiền 30.000.000 đồng, chương trình vay hộ nghèo, thời hạn vay 60, lãi suất 0,55%/tháng và HĐTD số 6600000704876619 số tiền 15.000.000 đồng, chương trình cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0,1%/tháng. Tạm tính đến ngày 29/11/2019 hộ gia đình anh C, chị K còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 45.000.000 đồng, tiền lãi là 437.928 đồng. Trong đó,

HĐTD số 6600000704879000 số tiền 30.000.000 đồng, tiền lãi là 401. 434 đồng và HĐTD số 6600000704876619 số tiền 15.000.000 đồng, tiền lãi là 36. 494 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) khi giải quyết ly hôn đồng thời phải xác định nghĩa vụ trả nợ cụ thể đối với hai khoản vay này. Đại diện Ngân hàng xác định vì anh C là người đứng tên trong cả hai HĐTD có nơi cư trú rõ ràng, còn chị K đã bỏ đi khỏi địa phương, không có địa chỉ cụ thể để đảm bảo cho việc thu hồi vốn vay của Ngân hàng, yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ nhận nợ và trả nợ đối với hai khoản vay với số tiền gốc 45.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Lê Thị Sao M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh C, chị K có đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/2013 tại UBND xã A, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, hai bên có thời gian tìm hiểu nhau. Tại phiên tòa, anh C vẫn giữ nguyên quan điểm muốn được ly hôn với chị Đinh Thị K. Việc chị K vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến của mình về toàn bộ nội dung vụ án điều này cho thấy chị đã bỏ mặc cuộc hôn nhân giữa chị và anh C. Đặc biệt từ cuối tháng 05/2019 đến nay, anh chị đã không còn sống chung với nhau, hiện anh C không có bất kì thông tin gì về chị K. Chính vì vậy mâu thuẫn gia đình giữa anh, chị là có thật, hơn 06 tháng nhưng chị K chưa một lần về thăm con, thăm gia đình, chị tìm mọi cách để trốn tránh, thay đổi số điện thoại, không sử dụng mạng facebook chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, việc chị K liên tục vắng mặt tại Tòa án cũng thể hiện chị không tha thiết gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình trạng hôn nhân này phù hợp với quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình (viết tắt là Luật HN&GD).

Về con chung: Anh C, chị K có hai con chung là Bríu Thị Hồng Q, sinh ngày 10/4/2014 và Bríu Thị Ánh D, sinh ngày 30/10/2016 (cháu hơn 36 tháng tuổi). Chị K không có trách nhiệm đối với hai cháu, hơn 06 tháng nay chị K không hề thăm nom, chăm sóc cũng như không gửi tiền về nuôi các cháu. Điều này có nghĩa chị K đã bỏ bê, không còn quan tâm đối với các con. Hiện nay, hai cháu đang được chị ruột của anh C là Bríu Thị T (trú tại thôn R, xã A) chăm sóc và phát triển bình thường. Anh C đi làm thuê tại thành phố Đ với mức lương 6.000.000 đồng/tháng, anh thường xuyên gửi tiền về nuôi con, đồng thời tranh thủ thời gian nghỉ về thăm con. Do vậy, để không làm xáo trộn cuộc sống ổn định của các cháu nên nguyện vọng của anh C tiếp tục nuôi con đến tuổi trưởng thành là hoàn toàn phù hợp. Đồng thời yêu cầu chị K cấp dưỡng cho mỗi con chung là 600.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với mức chi phí nuôi dưỡng hiện nay cũng như thể hiện trách nhiệm của người mẹ đối với con.

Về nợ chung: Căn cứ hồ sơ vụ án thì quá trình chung sống vợ chồng anh C, chị K có vay của Ngân hàng CSXH huyện Đông Giang số tiền 45.000.000 triệu đồng. Căn cứ quy định Điều 27 và Điều 37 Luật HN&GD; Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự (viết tắt là BLDS) thì mỗi bên đều có trách nhiệm trả một nửa số tiền trên và lãi suất phát sinh.

Về phần án phí: Anh C thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Anh C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Từ những quan điểm nêu trên, đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định tại Điều 27, 37, 51, 56, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 107 và Điều 110 Luật HN&GD; Điều 463, 466 và Điều 468 BLDS chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang (viết tắt là VKSND) phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án thì Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS. Bị đơn chị Đinh Thị K không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 và Điều 199 BLTTDS. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án để hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần 2. Thẩm phán và Hội thẩm nhân đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. HĐXX tiến hành phiên tòa sơ thẩm đúng quy định theo Điều 222, 227 và Điều 234 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKSND huyện Đông Giang đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 27, 37, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật HN&GD; Điều 463, 466 và Điều 468 BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH11 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bríu C được ly hôn với chị Đinh Thị K.

Về con chung: Giao hai cháu Bríu Thị Hồng Q, sinh ngày 10/4/2014 và Bríu Thị Ánh D, sinh ngày 30/10/2016 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Đinh Thị K phải cấp dưỡng nuôi con 600.000 đồng/tháng/cháu, cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu nên không đề cập.

Về nợ chung: Đối với hai HĐTD anh C, chị K đã ký kết Ngân hàng CSXH huyện Đông Giang số tiền gốc là 45.000.000 đồng. Đây là khoản nợ chung của vợ chồng và hình thành trong thời kỳ hôn nhân, sử dụng vì mục đích chung để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, để duy trì, phát triển khối tài sản chung và tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình nên cả hai vợ chồng phải có nghĩa vụ liên đới. Vì vậy, anh C và chị K phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng mỗi người là 22.500.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bríu C được miễn nộp tiền án phí. Chị Đinh Thị K phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, con chung và phân chia nghĩa vụ trả nợ. Anh Bríu C hiện đang cư trú tại thôn R, xã A, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 28, 35, và Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Giang.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh C và chị K có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam ngày 23/7/2013, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại các Điều 8 và Điều 9 Luật HN&GD.

[2.2] *Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị K*: HĐXX nhận định anh C thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, kể từ khi vợ chồng cùng nhau đi làm thuê tại thành phố Đà Nẵng chị K bắt đầu quen biết nhiều người, không làm chủ được bản thân thích ăn chơi, đua đòi để nảy sinh tình cảm với người đàn ông khác.

Qua xác minh tại UBND xã A, tại thôn R và người thân của anh C cung cấp thông tin. Quá trình chung sống vợ chồng anh C và chị K đã sống ly thân từ cuối tháng 05/2019 cho đến nay, phần ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Chị K có nhà ở, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã A. Hiện nay, chị K không còn ở tại xã A, đi đâu, làm gì địa phương không biết, khi đi khỏi địa phương chị không làm thủ tục đăng ký tạm vắng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý, giấy triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để chị được trình bày quan điểm, hòa giải qua đó làm rõ nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị K đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ chị K biết việc anh C khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhưng cố tình trốn tránh, đi khỏi địa phương mà không thông tin, cung cấp địa chỉ nơi ở mới và phù hợp với lời khai của anh C là sau khi anh nộp đơn ly hôn thì quan hệ vợ chồng không được cải thiện, chị K vẫn không quan tâm, chăm sóc đến gia đình và con chung. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên việc anh Bríu C yêu cầu được ly hôn với chị Đinh Thị K là có căn cứ.

[2.3] *Về con chung*: Anh C, chị K có hai con chung tên Bríu Thị Hồng Q, sinh ngày 10/4/2014 và Bríu Thị Ánh D, sinh ngày 30/10/2016 (hiện tại cháu hơn 36 tháng tuổi). Cả hai con đều chưa đủ 18 tuổi cần có người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Vì phải đi làm xa, nên tháng 08/2019 anh C gửi hai con cho chị ruột là bà Bríu Thị T (trú tại thôn R, xã A) chăm sóc, anh C có nguyện vọng tha thiết muốn được nuôi dưỡng cả hai con chung, vì từ khi chị K bỏ đi, anh C đón các con về ở cùng, do điều kiện kinh tế khó khăn anh C đi làm thuê tại khu du lịch Bà Nà Hills, thành phố Đ với mức lương 6.000.000 đồng/tháng, tuy không trực tiếp chăm sóc các con, anh C vẫn tranh thủ thời gian nghỉ về thăm con thường xuyên. Riêng chị K đã không có trách

nhiệm đối với hai con, mặc dù hai con còn rất nhỏ và cần bàn tay chăm sóc, chở che của người mẹ nhưng hơn 06 tháng nay chị K không về thăm con, không chu cấp tiền cho con ăn học. Điều này đồng nghĩa chị K đã bỏ bê, không còn quan tâm đối với các con, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình tại Tòa án nên để đảm bảo sự ổn định cho cuộc sống cho các con, HĐXX xét thấy cần phải tiếp tục giao hai con chung cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của hai con trong điều kiện chi phí sinh hoạt, chi phí học tập đắt đỏ thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh C yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung là 600.000 đồng/tháng/cháu. Do đó, HĐXX xét thấy buộc chị Đinh Thị K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với số tiền 600.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và 119 Luật HN&GD.

Chị Đinh Thị K có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] *Về tài sản chung*: Anh Bríu C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập đến.

[4] *Về nợ chung*: Căn cứ vào các Điều 27 và Điều 37 Luật HN&GD; Điều 463, 466 và Điều 468 BLDS. Mỗi bên đương sự có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng CSXH huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam số tiền gốc 22.500.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/11/2019 là 219.211 đồng và tiền lãi phát sinh, điều này hoàn toàn phù hợp nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[5] *Xét sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa*: Bị đơn chị Đinh Thị K biết việc anh C làm đơn xin ly hôn mà vẫn cố tình trốn tránh. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị K đều vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản trình bày ý kiến, chị K đã từ bỏ các quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, HĐXX vẫn tiến hành việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[6] *Xét ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Đại diện Ngân hàng CSXH huyện Đông Giang yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 45.000.000 và tiền lãi phát sinh của hai HDTĐ đã ký kết. HĐXX nhận thấy đây là giao dịch phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, chị K là người thừa kế. Việc sử dụng vốn vay vì mục đích chung là chi trả cho vốn vay sinh viên của hai vợ chồng, phát triển kinh tế và sử dụng cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Căn cứ vào các Điều 27 và Điều 37 Luật HN&GD thì vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với cả hai HDTĐ trên, yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có cơ sở chấp nhận.

[7] *Về án phí dân sơ thẩm*: Căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 BLTTDS. Anh Bríu C được miễn nộp tiền án phí xin ly hôn. Chị Đinh Thị K phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

[8] Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy ý kiến của đại diện VKSND huyện Đông Giang tại phiên tòa là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm d Khoản 1 Điều 12 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bríu C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bríu C được ly hôn với chị Đinh Thị K.

2. Về con chung: Anh Bríu C được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Bríu Thị Hồng Q, sinh ngày 10/4/2014 và Bríu Thị Ánh D, sinh ngày 30/10/2016 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Chị Đinh Thị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 600.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Chị Đinh Thị K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Anh Bríu C không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về phân chia nghĩa vụ trả nợ:

- Anh Bríu C tiếp tục thực hiện hai HĐTD đã ký kết với Ngân hàng CSXH huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam, tạm tính đến ngày 29/11/2019 tiền gốc và lãi đối với HĐTD số 6600000704879000 ngày 29/6/2015 số tiền gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi là 200.717 đồng; HĐTD số 6600000704876619 ngày 29/6/2015 số tiền 7.500.000 đồng, tiền lãi là 18.247 đồng và tiền lãi phát sinh.

- Chị Đinh Thị K tiếp tục thực hiện hai HĐTD đã ký kết với Ngân hàng CSXH huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam, tạm tính đến ngày 29/11/2019 tiền gốc và lãi đối với HĐTD số 6600000704879000 ngày 29/6/2015 số tiền gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi là 200.717 đồng; HĐTD số 6600000704876619 ngày 29/6/2015 số tiền 7.500.000 đồng, tiền lãi là 18.247 đồng và tiền lãi phát sinh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bríu C được miễn tiền án phí xin ly hôn. Chị Đinh Thị K phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/11/2019), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đông Giang;
- Chi cục THADS huyện Đông Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Oanh

lãi là 200.717 đồng; HĐTD số 6600000704876619 ngày 29/6/2015 số tiền 7.500.000 đồng, tiền lãi là 18.247 đồng và tiền lãi phát sinh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bríu Cen được miễn tiền án phí xin ly hôn. Chị Đinh Thị Khéo phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/11/2019), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Phường Nguyễn Thái Bình

Nguyễn Thị Kim Oanh